

Bản án số: 238 /2019/ HN-ST

Ngày: 18- 11 - 2019

“V/v Ly hôn giữa chị H và anh D”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **LÊ VĂN THÀNH**

2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 600/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **ĐINH THỊ KIM H**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: số 351 đường O, phường 17, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Anh **TRẦN VĂN D**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H xin vắng mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai chị Đinh Thị Kim H trình bày:* Do quen biết và được cha mẹ đồng ý nên chị và anh D tổ chức lễ cưới năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 17, quận A, thành phố Hồ Chí Minh năm 2009. Anh chị đã chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2014 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do anh D tham gia đánh bạc và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, khi về nhà có lời lẽ không tốt với chị.

Con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Ánh N sinh ngày 25/8/2009 và Trần Ánh T, sinh ngày 14/7/2014 hiện đang sống cùng chị H.

Tài sản chung, nợ chung: Không có

Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Con chung chị yêu cầu nuôi, không cần anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn anh Trần Văn D dù đã được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng và được triệu tập họp lệ nhưng không tham gia tố tụng, không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 07/10/2019 chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do chị đi làm không thể dự phiên tòa. Đối với bị đơn anh Trần Văn D dù được triệu tập xét xử họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét vắng mặt chị H, anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị H và anh D tiến đến hôn nhân năm 2008 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước nhưng sau khi cưới nhau anh chị chung sống hạnh phúc đến 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó đến nay không ai qua lại với ai hay tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải giữa 02 bên, anh D dù được Tòa án triệu tập họp lệ cũng không đến và cũng không có ý kiến gì về việc chị H xin ly hôn, phía chị H vẫn kiên quyết ly hôn vì tình cảm không còn. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng của anh chị không còn, quan hệ hôn nhân thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho chị H được ly hôn anh D là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Ánh N sinh ngày 25/8/2009 và Trần Ánh T, sinh ngày 14/7/2014 hiện sống cùng chị H. Chị H yêu cầu được nuôi 02 con chung nếu vợ chồng ly hôn, đối với anh D không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con chung của chị H. Xét thấy con chung được chị H nuôi dưỡng từ lúc anh chị ly thân đến nay các cháu vẫn được đi học và phát triển bình thường. Đối với cháu Ánh N cũng có nguyện vọng sống với chị H. Do đó để tránh xáo trộn tâm sinh lý của con chung Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao cháu Trần Ánh N và Trần Ánh T cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Đinh Thị Kim H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đinh Thị Kim H được ly hôn với anh Trần Văn D.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cho chị Đinh Thị Kim H được quyền nuôi cháu Trần Ánh N sinh ngày 25/8/2009 và Trần Ánh T, sinh ngày 14/7/2014. Anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo qui định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

5. Về án phí:

- Chị Đinh Thị Kim H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002287 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

6. Về thời hạn kháng cáo: Chị H, anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Cái Bè;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

